HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 59/NQ-HĐND	*Tuyên Quang, ngày 28 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và tổng biên chế cán bộ, công chức thuộc chính quyền địa phương cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHOÁ XX, KỲ HỌP THỨ SÁU
(KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ Về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 853-QĐ/TU ngày 18 tháng 9 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức, viên chức khối chính quyền tỉnh Tuyên Quang năm 2026;

Xét Tờ trình số 211/TTr-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và tổng biên chế cán bộ, công chức thuộc chính quyền địa phương cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 240/BC-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và tổng biên chế cán bộ, công chức thuộc chính quyền địa phương cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2026 là 6.261 biên chế, cụ thể:

1. Biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan thuộc Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh: **1.877** biên chế.

2. Tổng biên chế cán bộ, công chức thuộc chính quyền địa phương cấp xã: **4.384** biên chế.

(Có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khoá XX, Kỳ họp thứ sáu (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 28 tháng 10 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh uỷ; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Uỷ ban nhân dân tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- Trang Thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (NgT).

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Nguyễn Văn Sơn

PHỤ LỤC
GIAO BIÊN CHẾ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH THUỘC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VÀ TỔNG BIÊN CHẾ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC THUỘC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 59/NQ-HĐND ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng giao năm 2026
	CỘNG I+II	**6.261**
I	**Cấp tỉnh**	**1.877**
1	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh (bao gồm cả biên chế đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động chuyên trách)	70
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (bao gồm cả biên chế lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh)	94
3	Sở Nội vụ	104
4	Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch	64
5	Sở Tài chính	154
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	88
7	Sở Xây dựng	103
8	Sở Nông nghiệp và Môi trường	597
9	Sở Ngoại vụ	27
10	Sở Công Thương	168
11	Sở Tư pháp	42
12	Sở Khoa học và Công nghệ	60
13	Sở Y tế	88
14	Thanh tra tỉnh	140
15	Sở Dân tộc và Tôn giáo	45
16	Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh	33
II	**Cấp xã**	**4.384**